



1108-H Series

Tải nặng

BÁNH XE KIỂU NHẬT (Tải nặng)

日式輪系列(重型)

○ Bánh xe xoay chuyển linh hoạt, di chuyển êm và nhẹ. Càng xe được gia cố chắc chắn, giúp tăng khả năng tải trọng và chống va đập. Ngoài ra, có thể lựa chọn lắp thêm khóa bên cho bánh xe.

● 轉動靈活寧靜，腳架已有特殊加強，強度大幅度提升及抗衝擊，另有側剎可供選擇

Tải trọng 載重
140 - 300 kg



» Đặc điểm 特色區



Khóa bên
側剎



Nắp chống bụi
波盤防塵蓋



Nắp chống bụi bằng kim loại cho bánh xe
輪子可附金屬防塵蓋

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh cao su lõi thép
鐵芯日式橡膠輪



Bánh Nylon
尼龍輪



Bánh PU chịu mài mòn lõi nhựa
高科技耐磨聚氨酯(尼龍芯)



Bánh W Resolute
W全效輪



Ổ bi
滾珠軸承



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU



Bánh EQPU
EQPU輪



Bánh cao su lõi nhôm
鋁芯橡膠輪



Bánh WMRC
WMRC輪

**» Quy cách tấm lắp càn xoay 活動底板規格**

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
4",5",6" tấm lắp càn xoay 4",5",6"活動底板	101x101 mm (4"x4")	78 x 78 mm (3-1/16"x3-1/16")	10 mm (3/8")

» Quy cách tấm lắp càn cố định 固定底板規格

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
5",6" tấm lắp càn cố định 5",6"固定底板	91 x 140 mm (3-9/16"x5-1/2")	55 x 105 mm (2-1/8"x4-1/8")	10 mm (3/8")

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càn cố định 固定	Càn xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
100mmx32mm (4"x1-1/4")	250 kgs(550 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	—	1108-H-04-07-2	1108-H-04-07-4	Ổ bi 滾珠軸承	138mm (5-7/16")	Xoay 87.5mm 活動 87.5mm Khóa bên 87.5mm 側剎 87.5mm
100mmx36mm (4"x1-7/16")	270 kgs(594 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU (圓弧)	—	1108-H-04-87-2	1108-H-04-87-4			
	140 kgs(308 lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	—	1108-H-04-64-2	1108-H-04-64-4			
100mmx40mm (4"x1-9/16")	300 kgs(660 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU (圓弧)	—	1108-H-04-87(40)-2	1108-H-04-87(40)-4			
	200 kgs(440 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	—	1108-H-04-22-2	1108-H-04-22-4	Ổ bi 滾珠軸承	168mm (6-5/8")	Xoay 98.5mm 活動 98.5mm Khóa bên 98.5mm 側剎 98.5mm
125mmx38mm (5"x1-1/2")	160 kgs(352 lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1108-H-05-64-1	1108-H-05-64-2	1108-H-05-64-4			
125mmx40mm (5"x1-9/16")	300 kgs(660 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1108-H-05-07-1	1108-H-05-07-2	1108-H-05-07-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU (圓弧)	1108-H-05-87-1	1108-H-05-87-2	1108-H-05-87-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh EQPU (cong) EQPU (圓弧)	1108-H-05-81-1	1108-H-05-81-2	1108-H-05-81-4			
	250 kgs(550 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	1108-H-05-22-1	1108-H-05-22-2	1108-H-05-22-4			
150mmx38mm (6"x1-1/2")	180 kgs(396 lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1108-H-06-64-1	1108-H-06-64-2	1108-H-06-64-4	Ổ bi 滾珠軸承	191mm (7-1/2")	Xoay 113mm 活動 113mm Khóa bên 113mm 側剎 113mm
150mmx40mm (6"x1-9/16")	160 kgs(352 lbs)	Bánh cao su lõi thép 鐵芯日式橡膠輪	1108-H-06-18-1	1108-H-06-18-2	1108-H-06-18-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1108-H-06-45-1	1108-H-06-45-2	1108-H-06-45-4			
	280 kgs(616 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	1108-H-06-22-1	1108-H-06-22-2	1108-H-06-22-4			
150mmx42mm (6"x1-5/8")	300 kgs(660 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU (圓弧)	1108-H-06-87-1	1108-H-06-87-2	1108-H-06-87-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh EQPU (cong) EQPU (圓弧)	1108-H-06-81-1	1108-H-06-81-2	1108-H-06-81-4			
150mmx44mm (6"x1-3/4")	200 kgs(440 lbs)	Bánh PU chịu mài mòn lõi nhựa 高科技耐磨聚氨酯 (尼龍芯)	1108-H-06-34-1	1108-H-06-34-2	1108-H-06-34-4			